TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 5 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hương

Ông Nguyễn Văn Điển

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 04-12-2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-3-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16-4-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị VNT; địa chỉ: Tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh PVL; địa chỉ: Số 8A/57 tổ D, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 31-10-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị VNT trình bày:

Chị VNT và anh PVL xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng năm 2009. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

giữa hai bên có bất đồng về quan điểm sống, về tính cách nên đã sống ly thân và không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau. Nay, chị VNT cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh PVL theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là F, sinh ngày 05-3-2013. Ly hôn, chị VNT có nguyện vọng được nuôi con cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị VNT đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh PVL vắng mặt tại phiên toà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn cũng như đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Toà án để làm việc, nhưng anh PVL đều vắng mặt không có lý do và không giao nộp văn bản trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Toà án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị VNT ly hôn anh PVL. Về con chung: Giao con F, sinh ngày 05-3-2013 cho chị VNT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, chị VNT không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị VNT không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị VNT phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh PVL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị VNT và anh PVL kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01 ngày 12-01-2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị VNT và anh PVL là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị VNT cho rằng, quá trình chung sống giữa Chị và anh PVL có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay, chị VNT yêu cầu giải quyết ly hôn, anh PVL vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó, đánh giá rằng, anh PVL không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị VNT và anh PVL đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị VNT yêu cầu ly hôn với anh PVL là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị VNT và anh PVL có 01 con là F, sinh ngày 05-3-2013. Ly hôn, chị VNT có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên. Tại phiên tòa, chị VNT trình bày, hiện tại chị làm nghề lao động tự do, thu nhập ổn định khoảng 8.000.000 đồng/tháng và có nơi ở ổn định có khả năng nuôi dưỡng con; anh PVL vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó cháu F hiện đang sống cùng chị VNT và có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con F cho chị VNT nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị VNT đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa các bên.

[5] Về tài sản chung: Chị VNT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị VNT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008476 ngày 04-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị VNT ly hôn anh PVL.

2. Về con chung: Giao con F, sinh ngày 05-3-2013 cho chị VNT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị VNT phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008476 ngày 04-12- 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị VNT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
-UBND phường E, quận C,
(GCN kết hôn số 01, quyển số 01, ngày 12/01/2009);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hữu Hường